TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1388/2022/KDTM-ST
Ngày: 26/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Ông Lâm Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Từ ngày 20/7/2022 đến ngày 26/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2022/QĐST-KDTM ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty D

Địa chỉ: 145 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà M (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022)

Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ: đường P, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty D có người đại diện hợp pháp trình bày: Năm 2017 giữa Công ty D và Công ty S (tên gọi cũ là Công ty N) có ký kết hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên và 03 báo giá phát sinh. Theo đó, nguyên đơn đã cung cấp đá và gia công đá theo theo bản vẽ mà bị đơn yêu cầu thuộc công trình

D1MENSON tại địa chỉ 608 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Theo hợp đồng số SWC/SA9-002/LOA-072 ngày 08/5/2017 (bản song ngữ số 123…?/HD/CCGC-SR ngày 08/5/2017) có ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về nội dung công việc, phương thức giao hàng, địa điểm giao hàng, quy định thanh toán và tổng giá trị hợp đồng là 14.010.799.495 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp đá đúng theo yêu cầu của bị đơn, được đại diện của bị đơn kiểm tra, nghiệm thu tại xưởng của nguyên đơn và nguyên đơn đã giao đá lên công trình. Sau mỗi đợt nghiệm thu và giao đá xong, nguyên đơn làm hồ sơ tạm ứng tiền đá và gửi mail để bị đơn xác nhận. Nguyên đơn chỉ xuất hóa đơn GTGT khi bị đơn xác nhận hồ sơ tạm ứng đúng với khối lượng đã giao lên công trình. Tổng cộng nguyên đơn đã làm 07 đợt hồ sơ tạm ứng tiền đá. Khi nhận được thông báo từ bị đơn về việc dừng lấy đá, nguyên đơn đã tiến hành làm hồ sơ quyết toán và gửi cho bị đơn nhưng bị đơn không chịu xác nhận dẫn đến việc thanh toán cho nguyên đơn bị trì hoãn. Đến nay, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 8.722.840.469 đồng trên tổng giá trị đã thực hiện là 9.676.267.563 đồng, do đó, bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 953.467.094 đồng.

Theo báo giá gia công ngày 14/9/2017 - Dự án D1Mension có ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về nội dung công việc, quy định thanh toán và tổng giá trị báo giá phát sinh là 289.216.530 đồng. Nguyên đơn đã làm hồ sơ thanh toán 06 đợt nhưng bị đơn chỉ mới thanh toán được 04 đợt với số tiền là 43.376.988 đồng trên tổng giá trị đã thực hiện là 191.232.008 đồng. Như vậy, đối với báo giá phát sinh này, bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 147.855.020 đồng.

Theo báo giá cung cấp và gia công đá thiên nhiên ngày 31/5/2018 có ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về nội dung công việc, quy định thanh toán và tổng giá trị báo giá là 88.895.490 đồng, nhưng đến nay bị đơn mới chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 44.447.745 đồng trên tổng giá trị đã thực hiện là 88.895.490 đồng. Như vậy, đối với báo giá phát sinh này, bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 44.447.745 đồng.

Theo báo giá cung cấp và gia công đá thiên nhiên ngày 25/6/2018 có ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về nội dung công việc, quy định thanh toán và tổng giá trị báo giá là 25.015.037 đồng, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền 25.015.037 đồng cho nguyên đơn.

Sau khi đã thực hiện hoàn tất và bàn giao tất cả các công việc theo Hợp đồng và các báo giá phát sinh, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, đôn đốc phía bị đơn thực hiện thanh toán phần giá trị còn lại nhưng bị đơn không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán.

Nay nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn là Công ty S thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng số 123..?/HD-CCGC-SR ngày và các báo giá phát sinh tổng cộng là 1.170.745.390 đồng và tiền lãi với mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank là 12% tạm tính đến ngày 20/02/2020 là 233.838.360

đồng. Tổng cộng là 1.404.583.750 đồng và bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất như trên.

Bị đơn - Công ty S có người đại diện theo pháp luật là Ông K trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại là 1.170.745.390 đồng và tiền lãi với mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank là 8% đến ngày 20/7/2022 là 326.329.742 đồng, tổng cộng là 1.497.075.132 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng các quy định tại Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hợp đồng số SWC/SA9-002/LOA-072 ngày 08/5/2017 (bản song ngữ số 123…?/HD/CCGC-SR ngày 08/5/2017) đã ký kết giữa các bên, có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ văn bản số 1966/ĐKKD-T6 ngày 20/4/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì Công ty S (tên cũ Công ty TNHH N) có địa chỉ trụ sở chính tại đường P, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - Công ty S có người đại diện theo pháp luật là Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại là 1.170.745.390 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên số SWC/SA9-002/LOA-072 ngày 08/5/2017 (bản song ngữ số 123…?/HD/CCGC-SR ngày 08/5/2017) đã ký giữa nguyên đơn với bị đơn phù hợp với các quy định tại Điều 116, 117, 385, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 24, 179 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi năm 2017. Do đó, đây là hợp đồng có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

Căn cứ hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên số SWC/SA9-002/LOA-072 ngày 08/5/2017 (bản song ngữ số 123…?/HD/CCGC-SR ngày 08/5/2017), báo giá gia công ngày 14/9/2017, báo giá cung cấp và gia công đá thiên nhiên ngày 31/5/2018, 25/6/2018, các lệnh gia công, các biên bản nghiệm thu vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị chế tạo sẵn trước khi sử dụng, các phiếu giao hàng có xác nhận của bị đơn và các hóa đơn giá trị gia tăng, có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn đã cung cấp và gia công đá cho bị đơn với tổng giá trị là 9.981.410.591 đồng.

Căn cứ các phiếu báo có, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 8.810.665.201 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.170.745.390 đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận; phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật" và căn cứ khoản 2 Điều 182 Luật Thương mại năm 2005, bên nhận gia công có quyền nhận thù lao gia công và các chi phí hợp lý khác. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền còn nợ là 1.170.745.390 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán với mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank là 8% đến ngày 20/7/2022 là 326.329.742 đồng (theo bảng tính lãi phát sinh do thanh toán chậm ngày 20/7/2022). Hội đồng xét xử thấy: Theo Điều 6 của Hợp đồng ngày 08/5/2017 về điều kiện thanh toán, bị đơn tạm ứng 40% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và nguyên đơn cung cấp hóa đơn bán hàng có giá trị tương ứng. Các đợt thanh toán, vào ngày 05 và 20 hàng tháng nguyên đơn hoàn thành hồ sơ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán cùng hóa đơn VAT hợp lệ. Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 95% giá trị khối lượng trong vòng 30 ngày sau khi công trình hoàn thành hoặc công trình khai trương đưa và sử dụng tùy điều kiện nào đến trước. Theo Điều 8 của Hợp đồng về phạt vi phạm, trong trường hợp bị đơn thanh toán không đúng với thời hạn nêu trên thì bị đơn sẽ bồi thường cho

nguyên đơn số tiền bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank nhân với giá trị tiền thanh toán trễ tại thời điểm mỗi cuối tháng. Giá trị thanh toán trễ được cộng dồn lũy kê theo nguyên tắc tính lãi của Ngân hàng.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác" và căn cứ văn bản số 2565/HCM-TH ngày 21/3/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí minh về việc cung cấp lãi suất cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp là 8,00%/năm. Việc bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi trên số tiền thanh toán trễ đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất 8%/năm là đúng với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.497.075.132 đồng (trong đó gồm số tiền nợ bị đơn còn phải thanh toán là 1.170.745.390 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/7/2022 là 326.329.742 đồng) và bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.912.254 đồng.

Hoàn cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí 27.069.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 385, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, 50, 179, 182, 306 Luật Thương mại 2005 được sửa đổi năm 2017;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty D.

Buộc Công ty S phải trả cho Công ty D số tiền 1.497.075.132 đồng (trong đó gồm số tiền nợ Công ty S còn phải thanh toán là 1.170.745.390 đồng và tiền

lãi tính đến ngày 20/7/2022 là 326.329.742 đồng), trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi thi hành án xong, Công ty S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp và gia công đá thiên nhiên số SWC/SA9-002/LOA-072 ngày 08/5/2017 (bản song ngữ số 123…?/HD/CCGC-SR ngày 08/5/2017).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.912.254 đồng.

Hoàn cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí 27.069.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017881 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan Phương